

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2022/HNGĐ-ST
Ngày 12 tháng 7 năm 2022
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi
con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Chuyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Xuân Trường
2. Ông Bùi Thế Hanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Huệ- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Bà Ngô Thị Tươi- Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 88/2022/TLST-HNGĐ ngày 19/4/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/6/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị H, sinh năm 1993.

ĐKHKT: Thôn ĐM, xã ĐT, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Chỗ ở: Xóm SB, xã TrS, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

- Bị đơn: Anh Trần Đức Q, sinh năm 1991. Cư trú: Thôn ĐM, xã ĐT, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

(Các đương sự đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án thì nguyên đơn là chị Bùi Thị H trình bày: Chị kết hôn với anh Trần Đức Q ngày 27/5/2016. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐT, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Hôn nhân tự nguyện. Sau khi cưới, chị về làm dâu nhà anh Q. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng

quan điểm, không hợp nhau. Mỗi khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn thì anh Q lại đánh chị. Từ khoảng tháng 4/2020 thì chị chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Gia đình và địa phương không hòa giải gì vì đây là việc riêng của vợ chồng. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu ly hôn anh Trần Đức Q vì xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau.

Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là Trần Thu Qu, sinh ngày 19/9/2015, Trần Diễm Qu1, sinh ngày 26/8/2017 và Trần Đức Th, sinh ngày 09/3/2019. Vợ chồng ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Trần Thu Qu, sinh ngày 19/9/2015. Còn hai cháu Trần Diễm Qu1, sinh ngày 26/8/2017 và Trần Đức Th, sinh ngày 09/3/2019 do anh Q nuôi dưỡng. Trường hợp anh Q không nuôi dưỡng thì chị yêu cầu nuôi dưỡng cả ba con chung. Nếu anh Q không đồng ý cho chị nuôi dưỡng con chung thì đề nghị Tòa án giải quyết con chung theo yêu cầu của anh Q. Trường hợp chị được nuôi dưỡng con chung thì chị không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị làm công nhân, thu nhập khoảng 5.000.000 đồng/tháng. Thời gian vợ chồng ly thân thì chị chỉ cấp dưỡng nuôi con, không dám về thăm con vì sợ anh Q đánh.

Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do điều kiện công việc, chị lại ở xa, việc đi lại khó khăn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt chị.

* Bị đơn là anh Trần Đức Q trình bày trong quá trình giải quyết vụ án: Anh kết hôn với chị Bùi Thị H ngày 27/5/2016. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐT, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Hôn nhân tự nguyện. Sau khi cưới, chị H về làm dâu gia đình anh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp nhau. Từ khoảng tháng 4/2020 thì chị H bỏ nhà đi theo người đàn ông khác và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý vì xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống với nhau.

Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là Trần Thu Qu, sinh ngày 19/9/2015, Trần Diễm Qu1, sinh ngày 26/8/2017 và Trần Đức Th, sinh ngày 09/3/2019. Các con ở với anh từ khi vợ chồng ly thân. Thời gian vợ chồng ly thân thì chị H không về thăm con, không cấp dưỡng nuôi con, không có trách nhiệm với con. Vợ chồng ly hôn, anh yêu cầu được nuôi dưỡng cả ba con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh đang làm công nhân, thu nhập khoảng 8.000.000 đồng/tháng. Chị H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Qu thì anh không đồng ý.

Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do điều kiện công việc nên anh đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt anh.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Về quan hệ tình cảm: Chị Bùi Thị H được ly hôn anh Trần Đức Q.

Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Thu Qu, sinh ngày 19/9/2015 chị Bùi Thị H nuôi dưỡng. Giao hai con chung là Trần Diễm Qu1, sinh ngày 26/8/2017 và Trần Đức Th, sinh ngày 09/3/2019 cho anh Trần Đức Q nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

Về án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc vắng mặt các đương sự tại phiên tòa: Chị Bùi Thị H và anh Trần Đức Q đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt đối với chị H và anh Q.

[2] Về thẩm quyền: Chị Bùi Thị H yêu cầu ly hôn anh Trần Đức Q. Anh Q cư trú ở địa bàn huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị H và anh Trần Đức Q kết hôn ngày 27/5/2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐT, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Hôn nhân tự nguyện, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn, là hôn nhân hợp pháp (Theo Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình). Theo lời trình bày của

chị H và anh Q xác định được trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng hiện không còn chung sống với nhau. Chị H yêu cầu ly hôn, anh Q đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H vì xác định tình cảm vợ chồng không còn. Xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị H được ly hôn anh Q (theo Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình).

[4] Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là Trần Thu Qu, sinh ngày 19/9/2015, Trần Diễm Qu1, sinh ngày 26/8/2017 và Trần Đức Th, sinh ngày 09/3/2019. Con chung ở cùng anh Q từ khi vợ chồng ly thân đến nay. Vợ chồng ly hôn, chị H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Trần Thu Qu, trường hợp anh Q không đồng ý với yêu cầu về con chung của chị H thì chị H đề nghị giải quyết theo yêu cầu của anh Q. Phía anh Q yêu cầu được nuôi dưỡng cả ba con chung, anh Q không đồng ý với yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Quyên của chị H. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa đề nghị giao con chung là cháu Trần Thu Qu, sinh ngày 19/9/2015 chị Bùi Thị H nuôi dưỡng. Giao hai con chung là Trần Diễm Qu1, sinh ngày 26/8/2017 và Trần Đức Th, sinh ngày 09/3/2019 cho anh Trần Đức Q nuôi dưỡng. Xét thấy, hiện tại các con đang ở cùng anh Q. Để đảm bảo cho con chung có cuộc sống ổn định, phát triển bình thường về tâm lý và tình cảm, đồng thời để giảm thiểu sự xáo trộn về môi trường sống của các con nên cần giao cả ba con chung cho anh Trần Đức Q nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Q không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1, Về quan hệ tình cảm: Chị Bùi Thị H được ly hôn anh Trần Đức Q.

2, Về con chung: Giao các con chung là Trần Thu Qu, sinh ngày 19/9/2015, Trần Diễm Qu1, sinh ngày 26/8/2017 và Trần Đức Th, sinh ngày 09/3/2019 cho anh Trần Đức Q nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3, Về án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí DSST nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0007979 ngày 20/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị H đã thi hành xong án phí DSST.

4, Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- CCTHADS huyện Hiệp Hòa;
- UBND xã ĐT;
- Các đương sự;
- Lưu hs, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
Phạm Thị Chuyên**

Đã ký